

Số: 195/QĐ-TTKSBT

Hải Phòng, ngày 17 tháng 02 năm 2025..

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng đối với Công ty Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2 năm 2025 (Đợt 1)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Quốc hội; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 670/QĐ-SYT ngày 11/6/2021 của Sở Y tế về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Kế hoạch mua sắm vắc xin dịch vụ đã được lãnh đạo Trung tâm phê duyệt;

Căn cứ Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các vắc xin dịch vụ trong vòng 12 tháng kể từ tháng 1 năm 2024; Căn cứ báo giá của các Nhà cung cấp;

Căn cứ Biên bản họp số 28/BB-TTKSBT ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng Thuốc và điều trị - Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng về việc thông qua hình thức mua sắm, danh mục, số lượng, tên hoạt chất, nồng độ/ hàm lượng, đường dùng, dạng bào chế, nhóm TCKT của vắc xin dịch vụ;

Căn cứ Biên bản họp số 102 /BB-TTKSBT ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng mua sắm thuốc - Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng về việc xem xét, đánh giá và lựa chọn giá vắc xin dịch vụ, lựa chọn nhà cung cấp vắc xin dịch vụ;

Căn cứ Biên bản họp số 01-CV/ĐUBP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Ban chấp hành Đảng bộ bộ phận Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng

về việc thống nhất thông qua chủ trương mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ năm 2025 (Đợt 1) của Trung tâm;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được ký kết giữa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng và Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2;

Xét đề nghị của Hội đồng mua sắm thuốc tại Tờ trình số 187/TTr-TTKSBT ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng đối với Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2 năm 2025 (Đợt 1).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Đồng ý lựa chọn nhà cung cấp vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2025 (Đợt 1) với những nội dung sau:

- Tên nhà cung cấp, các khoản vắc xin và giá vắc xin như sau:

STT	Tên nhà cung cấp	Số mặt hàng	Tổng giá trị đã bao gồm VAT (đồng)
1	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2 Địa chỉ: Số 9, phố Mã Mây, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội MST : 0103053042	12	2.296.926.700
Tổng cộng		12	2.296.926.700

- Danh mục hàng hóa: 12 mặt hàng (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

- Tổng giá trị hàng hóa: **2.296.926.700 (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng chẵn./.)**

Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển đến kho Trung tâm.

- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.

- Hình thức mua sắm: Áp dụng theo Khoản 2, Điều 55, Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023.

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực



Điều 2: Trưởng các Khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- P.TCKT; K.DVTYT
- K.PCBTN; P.KHNV
- HĐTVĐT;
- Lưu: VT, HDMST.

GIÁM ĐỐC



Đông Trung Kiên





PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Quyết định số 195 /TT-TPSBT ngày 17 tháng 02 năm 2025)

STT	STT theo TMBG	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (đồng)	Thành tiền có VAT (đồng)
1.	2	Infanrix hexa	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt typ 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt typ 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt typ 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza typ b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	1	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA	CSSX: Pháp ; CSXX: Bỉ	Tiêm bắp	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTap-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Liều	100	864.000	86.400.000
2.	4	Rotarix	Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 ≥ 10 ^{6.0} CCID ₅₀	1	≥ 10 ^{6.0} CCID ₅₀	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	CSSX: Bỉ ; CSXX: Bỉ	Uống	Hỗn dịch uống	Ống	150	700.719	105.107.850
3.	5	Rotateq	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant >=2,2 triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant >=2,8 triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant >=2,2 triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant >=2,0 triệu IU; Rotavirus P1A(8)	1	2ml	Merck Sharp & Dohme LLC.	Mỹ	Uống	Hỗn dịch uống	Tuýp	100	535.320	53.532.000



[illegible]

AN H
TRU
EM S
TH
HA
S

			với Protein vận chuyển CRM197 32mcg		2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	CSSX: Merck Sharp & Dohme LLC.; CSDG thứ cấp: Merck Sharp & Dohme B.V	CSSX: Mỹ, CSDG thứ cấp: Hà Lan	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ	20	1.509.600	30.192.000
6.	8	Gardasil	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi-rút HPV ở người tít 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6; 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16: 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg	1	0.5ml	CSSX & ĐG cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC.; CSDG cấp 2 & xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V	CSSX & ĐG cấp 1: Hoa Kỳ, CSDG cấp 2 & xuất xưởng: Hà Lan	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Bom tiêm	500	2.572.500	1.286.250.000
7.	9	Gardasil ₉	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV tít 6; 40mcg protein L1 HPV tít 11; 60mcg protein L1 HPV tít 16; 40mcg protein L1 HPV tít 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi tít 31,33,45,52 và 58	1	0.5ml	CSSX & ĐG sơ cấp: Merck Sharp & Dohme LLC; CSDG thứ cấp & XX: Merck Sharp & Dohme B.V; CSSX dung môi: Jubilant HollisterStier LLC	CSSX & ĐG sơ cấp: Mỹ, CSDG thứ cấp & XX: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Lọ	150	872.195	130.829.250
8.	18	Varivax	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated ≥= 1350 PFU/lq	1	0.5ml								

NG
AT B
NH
I P

[illegible]